TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 417/2018/DSST
Ngày 20- 9 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thành Viên

Bà Trương Thị Hồng Phương

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Kim Hoài - thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 307/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mộng Đ, sinh năm: 1965; địa chỉ: 39 Đường X, Phường A, Thành phố T, tỉnh Long An (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm: 1965; hộ khẩu thường trú tại 20/34/7 đường số Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Mộng Đ trình bày:

Từ năm 2012 đến năm 2015, bà Võ Thị Mộng Đ có cho ông Nguyễn Phước T vay tiền nhiều lần tổng cộng là 190.000.000 đồng. Ngày 21/8/2015 ông T ghi giấy biên nhận nợ và cam kết trả mỗi tháng là 1.500.000 đồng. nhưng không thực hiện trả như đã thỏa thuận. Từ khi khởi kiện cho đến nay, ông T có trả tiền cho bà Đ qua tài khoản ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng, cụ thể ngày 6/3/2018, ngày 6/4/2018, ngày 11/5/2018 và ngày 11/6/2018, tổng cộng là 4.000.000 đồng và

ngưng cho đến nay, hiện ông T còn nợ bà Đ số tiền là 186.000.000 đồng. Bà Đ yêu cầu ông T trả ngay một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay, bà Đ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không bổ sung chứng cứ hay thay đổi yêu cầu gì khác.

Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải, đối chất.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng và nội dung vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70,72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại số nhà 20 đường số Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và là nơi cư trú cuối cùng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại thời điểm giao dịch hợp đồng vay tiền, ông Nguyễn Phước T thể hiện nơi cư trú tại địa chỉ số 20 đường số Q, Phường W, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay ông T không có mặt tại nơi cư trú, căn cứ kết quả xác minh ngày 24/5/2018, tại Công an nhân dân Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, xác định "Ông Nguyễn Phước T có hộ khẩu thường trú tại 20 đường số Q, Phường W , quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đã bán nhà và cư trú tại đâu không rõ". Như vậy sau khi giao dịch xác nhận biên nhận nợ ngày 21/8/2015 cho đến nay, ông Nguyễn Phước T không thông báo cho bà Võ Thị Mộng Đ biết về nơi cư trú, làm việc mới. Do vậy trường hợp của ông Nguyễn Phước T được coi là cố tình giấu địa chỉ, theo qui định khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ đối với ông Nguyễn Phước T đến Tòa án để lấy lời khai, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối chất và hòa giải. Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bị đơn là ông Nguyễn Phước T.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn: Xét biên nhận nợ ngày 21/8/2015, do ông Nguyễn Phước T xác định và ký tên vay mượn tiền của bà Võ Thị Mộng Đ từ ngày 8/6/2012 đến ngày 21/02/2015 tổng cộng là 190.000.000 đồng, thực hiện trả từ tháng 9 năm 2015 mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bằng cách chuyển vào tài khoản của bà Điệp. Căn cứ bản sao kê tài khoản của bà Võ Thị Mộng Đ tại ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, xác nhận từ ngày 6/3/2018 đến ngày 8/8/2018 ông Tthực hiện chuyển khoản vào tài khoản của bà Điệp lần lượt mỗi tháng là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 4.000.000 đồng. Căn cứ Điều 91 Bộ Tố tụng dân sự, thì ông Nguyễn Phước T phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh để Tòa án bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, tuy nhiên trong quá trình thụ lý vụ án ông Nguyễn Phước T không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, chứng minh hoặc đối chất số tiền đã vay, hoặc đã thanh toán trả cho bà Điệp. Như vậy biên nhận nợ ngày 21/8/2015 thể hiện ý chí thỏa thuận của các bên cho vay tài sản và bên vay tài sản, được quy định tại Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự qui định năm 2005 "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Do vậy bà Võ Thị Mộng Đ khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phước T hoàn trả số tiền còn nợ là 186.000.000 đồng là có cơ sở cần chấp nhận.

Về yêu cầu lãi suất, bà Võ Thị Mộng Đ không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 305, 471 và 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 Điều 179, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 01/01/2017.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Mộng Đ.

Buộc ông Nguyễn Phước T có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Mộng Đ số tiền còn nợ là 186.000.000 đồng (Một trăm, tám mươi sáu triệu đồng).

2.Về án phí:

Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí sơ thẩm là 9.300.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Võ Thị Mộng Đ không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, bà Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028879 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4.Về quyền kháng cáo

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND TPHCM;
- VKSND QGV;
- CCTHADS QGV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS

Lê Thị Thùy Trang